BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-ĐHH ngày tháng năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế)

Tên chương trình: Đào tạo giáo viên Thể dục Thể thao

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất (Physical Education)

Mã số: 521402206

Loại hình đào tạo: Chính quy

I. Mục tiêu đào tạo

I.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo giáo viên thể dục thể thao trình độ đại học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ, có lòng yêu nghề nghiệp, nắm vững kiến thức về lý luận, kỹ năng thực hành, khả năng thực hiện tốt chương trình môn học giáo dục thể chất cho các bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng theo yêu cầu xã hội, có khả năng làm việc độc lập sáng tạo và năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam trong những thập niên tới.

I.2. Mục tiêu cụ thể

I.2.1. Về phẩm chất đạo đức:

- Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tự nguyện phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và phục vụ nhân dân. Có chí hướng phấn đấu vì sự nghiệp dân giầu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh;

- Có tư cách đạo đức tốt, trách nhiệm cao trong hoạt động chuyên môn, yêu nghề, luôn phấn đấu vì sự nghiệp thể dục thể thao của Đảng và nhà nước;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt trong học tập và công tác, có thái độ tự giác và tích cực trong học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác tích cực và chủ động trong hoạt động đổi mới giáo dục theo hướng phát triển và hiện đại;

I.2.2. Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiểu biết những chính sách, chủ trương của Đảng và nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục - văn hoá của đất nước;

- Có kiến thức nhất định về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, đặc biệt nắm vững quy trình, phương pháp, nguyên tắc dạy học và huấn luyện

thể dục thể thao hiện đại, đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức khoa học thể dục thể thao vào thực tiễn giảng dạy, phát triển phong trào thể dục thể thao, có tiềm năng khoa học để tự phát triển năng lực nghề nghiệp, đáp ứng diễn biến phát triển của thực tiễn nhà trường các cấp về lĩnh vực giáo dục thể chất;

- Sử dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thể dục thể thao để phân tích và giải thích những vấn đề trong thực tiễn công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học;

- Có đủ năng lực đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục và dạy học môn giáo dục thể chất;

I.2.3. Về kỹ năng:

- Có khả năng áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào quá trình dạy học giáo dục thể chất, nâng cao chất lượng dạy học; Kỹ năng tổ chức và điều khiển các hoạt động thể dục thể thao trường học;

- Có kỹ năng thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung môn học;

- Có kỹ năng thực hành cơ bản các môn thể thao phổ thông; giải quyết các tình huống sư phạm và trong các hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

- Có năng lực tổ chức thi đấu và làm trọng tài thi đấu thể thao cấp cơ sở;

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học, phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point), sử dụng thành thạo internet;

- Biết làm công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể đoàn kết. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt, biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ về quá trình học tập rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Có trình độ tiếng Anh theo chuẩn ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I.2.4. Về thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt;

- Có ý thức trách nhiệm về nghề nghiệp được đào tạo.

I.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy thể dục; huấn luyện các đội tuyển thể thao; tổ chức thi đấu và làm trọng tài các giải thi đấu thể thao của nhà trường và địa phương.

- Công tác tại các Phòng, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, các Trung tâm thể dục thể thao…với các công việc như tổ chức, xây dựng các phong trào thể dục thể thao, huấn luyện các đội tuyển thể thao nghiệp dư địa phương.

II. Thời gian đào tạo: 04 năm

III. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (tương đương 11 tín chỉ).

Kiến thức toàn khoá	Khối kiến thức giáo dục đại cương	Giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập, kiến tập	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế
		Tổng số	KT cơ sở ngành	KT ngành	KT nghiệp vụ sư phạm		
120	36	72	25	37	10	6	6

IV. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành;

Ngoài ra thí sinh thi vào học ngành Giáo dục Thể chất phải có năng khiếu TDTT, cơ thể cân đối, không bị dị tật, dị hình, có sức khoẻ và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài.

V. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế;

VI. Thang điểm:

Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 "Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ", ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Loại	Điểm	Loại
Đạt	A (Từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (Từ 7 đến 8,4)	Khá
	C (Từ 5,5 đến 6,9)	Trung bình
	D (Từ 4 đến 5,4)	Trung bình yếu
Không đạt	F (dưới 4)	Kém

VII. Nội dung chương trình

VII.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

VII.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương *36 ĐVTC*

- Lý luận chính trị 10 ĐVTC
- Khoa học tự nhiên, tin học 05 ĐVTC
- Khoa học xã hội 11 ĐVTC
- Ngoại ngữ không chuyên (tiếng Anh) 10 ĐVTC

VII.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp *72 ĐVTC*

- Kiến thức cơ sở ngành 25 ĐVTC
- Kiến thức ngành 37 ĐVTC
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm 10 ĐVTC

VII.1.3. Thực tập, kiến tập *06 ĐVTC*

VII.1.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế *06 ĐVTC*

VII.1.5. Kiến thức Giáo dục Quốc phòng- An ninh (theo chương trình Giáo dục Quốc phòng quy định chung)

VII.2. Nội dung cụ thể của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số ĐVTC
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**36**
I		**Lý luận chính trị**	**10**
1	NLM1012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 1	2
2	NLM1023	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 2	3
3	TTH1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	ĐLĐ1063	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
II		**Khoa học tự nhiên, tin học**	**5**
5	THD1022	Tin học đại cương	2
6	TTKĐL1033	Toán thống kê và Đo lường	2
III		**Khoa học xã hội**	**9**
7	TLH1042	Tâm lý học đại cương	2
8	GDD1032	Giáo dục học đại cương	3
9	QLH1062	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục đào tạo.	2
10	PLD1042	Pháp luật đại cương	2
Học phần tự chọn (chọn 02/06 tín chỉ)			**2**
11	MTCN1012	Môi trường và con người	2
12	CSVH1012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
13	TVTH1012	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2
IV		**Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh)**	**10**
14	AVCB1013	Anh văn cơ bản 1	3
15	AVCB1023	Anh văn cơ bản 2	3
16	AVCB1032	Anh văn cơ bản 3	2
17	AVCN1042	Anh văn chuyên ngành	2
B	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**72**

V		**Kiến thức cơ sở của ngành**	**25**
18	LLP2054	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	4
19	LTH2072	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	2
20	QLT2072	Quản lý thể dục thể thao	2
21	LST2012	Lịch sử thể dục thể thao	2
22	NCKH2042	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2
23	GPH2013	Giải phẫu	2
24	SLT2043	Sinh lý thể dục thể thao	3
25	VST2022	Vệ sinh thể dục thể thao	2
26	YHT2062	Y học thể dục thể thao	2
27	SCT2022	Sinh cơ thể dục thể thao	2
28	SHT2022	Sinh hoá thể dục thể thao	2
VI		**Kiến thức ngành**	**32**
29	ĐKP3012	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 1	2
30	ĐKP3033	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 2	2
31	ĐKP3052	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 3	2
32	TDP3033	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 1	2
33	TDP3032	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 2	2
34	BCP3023	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng chuyền	2
35	BĐP3023	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng đá	2
36	BRP3053	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng rổ	2
37	BBP3033	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng bàn	2
38	BNP3063	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng ném	2
39	CLP3063	Phương pháp giảng dạy và thực hành Cầu lông	2
40	CVP3042	Phương pháp giảng dạy và thực hành Cờ vua	2
41	ĐCP3063	Phương pháp giảng dạy và thực hành Đá cầu	2
42	BLP3043	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bơi lội	2
43	VP3073	Phương phápGD và thực hành Võ (Karatedo - Taekwondo)	2
44	TCVP3072	Phương pháp GD và thực hành Trò chơi vận động	2
		Phần tự chọn *(chọn 1 trong 5 môn Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bóng bàn)*	**5/25**
45	BĐP3072	Tự chọn 1 - Bóng đá 1	2
46	BĐP3073	Tự chọn 1 - Bóng đá 2	3
47	BCP3072	Tự chọn 2 - Bóng chuyền 1	2
48	BCP3073	Tự chọn 2 - Bóng chuyền 2	3
49	BRP3072	Tự chọn 3 - Bóng rổ 1	2
50	BRP3073	Tự chọn 3 - Bóng rổ 2	3
51	CLP3072	Tự chọn 4 – Cầu lông 1	2
52	CLP3073	Tự chọn 4 – Cầu lông 2	3
53	BBP3072	Tự chọn 5 – Bóng bàn 1	2
54	BBP3073	Tự chọn 5 – Bóng bàn 2	3
VII		**Kiến thức nghiệp vụ sư phạm**	**10**
55	TLT4042	Tâm lý học thể dục thể thao	2
56	GDT4032	Giáo dục học thể dục thể thao	2
57	GTS4052	Giao tiếp sư phạm	2
58	RLS4052	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2
59	ĐG4062	Đánh giá giáo dục	2

C	**THỰC TẬP, KIẾN TẬP**		**6**
60		Kiến tập sư phạm	1
61		Thực tập sư phạm	5
D	**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ**		**7**
		Khoá luận tốt nghiệp	***7***
		Học phần thi thay thế khóa luận tốt nghiệp	***7***
62	CĐSL2084	Chuyên đề Sinh lý thể dục thể thao	4
63	CĐL2083	Chuyên đề Lý luận thể dục thể thao	3
Tổng số đơn vị tín chỉ toàn khoá:			**120**

VIII. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	NĂM / HỌC KỲ							
				I		II		III		IV	
				1	2	3	4	5	6	7	8
A	**Kiến thức giáo dục đại cương**										
I	***Lý luận chính trị***		**10**								
1	NLM1012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 1	2	2							
2	NLM1023	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 2	3		3						
3	TTH1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
4	ĐLĐ1063	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3						3		
II	***Khoa học tự nhiên, tin học***		**05**								
5	THD1022	Tin học đại cương	2		2						
6	TTK1033	Toán thống kê và đo lường	2			2					
III	***Khoa học xã hội***		**9**								
7	TLH1042	Tâm lý học đại cương	2				2				
8	GDD1033	Giáo dục học đại cương	3			3					
9	QLH1062	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục đào tạo.	2						2		
10	PLD1042	Pháp luật đại cương	2				2				
		(Tự chọn 02/06 tín chỉ)	**2**								
11	MTCN1012	Môi trường và con người	2	2							
12	CSVH1012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2							
13	TVTH1012	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	2							
IV	***Ngoại ngữ không chuyên***		**10**								
14	AVCB1013	Anh văn cơ bản 1	3	3							
15	AVCB1023	Anh văn cơ bản 2	3		3						
16	AVCB1032	Anh văn cơ bản 3	2			2					
17	AVCN1042	Anh văn chuyên ngành	2				2				
B	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**										
V	***Kiến thức cơ sở ngành***		***25***								
18	LLPP2054	Lý luận và phương pháp giáo dục thể dục thể chất	4					4			
19	LLTH2072	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	2							2	
20	QLT2072	Quản lý thể dục thể thao	2							2	
21	LST2012	Lịch sử thể dục thể thao	2	2							
22	NCKH2042	PP nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2				2				
23	GPH2012	Giải phẫu	2	2							

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	NĂM / HỌC KỲ							
				I		II		III		IV	
				1	2	3	4	5	6	7	8
24	SLT2053	Sinh lý thể dục thể thao	3					3			
25	VST2022	Vệ sinh thể dục thể thao	2				2				
26	YHT2062	Y học thể dục thể thao	2						2		
27	SCT2022	Sinh cơ thể dục thể thao	2		2						
28	SHT2022	Sinh hoá thể dục thể thao	2		2						
VI	***Kiến thức ngành***		***32***								
29	ĐKP3012	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 1	2	2							
30	ĐKP3032	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 2	2			2					
31	ĐKP3052	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 3	2					2			
32	TDP3012	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 1	2	2							
33	TDP3032	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 2	2			2					
34	BCP3022	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng chuyền	2		2						
35	BĐP3022	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng đá	2		2						
36	BRP3052	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng rổ	2					2			
37	BBP3032	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng bàn	2			2					
38	BNP3062	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng ném	2						2		
39	CLP3062	Phương pháp giảng dạy và thực hành Cầu lông	2						2		
40	CVP3042	Phương pháp giảng dạy và thực hành Cờ vua	2				2				
41	ĐCP3062	Phương pháp giảng dạy và thực hành Đá cầu	2						2		
42	BLP3042	Phương pháp giảng dạy và thực hành Bơi lội	2				2				
43	VP3072	Phương phápGD và thực hành Võ (Karatedo - Taekwondo)	2							2	
44	TCVP3072	Phương pháp GD và thực hành Trò chơi vận động	2							2	
Tự chọn 5/25 tín chỉ *(chọn 1 trong 5 môn sau: Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bóng bàn)*			**5**								
45	BĐP3072	Tự chọn 1 - Bóng đá 1	2							2	
46	BĐP3073	Tự chọn 1 - Bóng đá 2	3							3	
47	BCP3072	Tự chọn 2 - Bóng chuyền 1	2							2	
48	BCP3073	Tự chọn 2 - Bóng chuyền 2	3							3	
49	BRP3072	Tự chọn 3 - Bóng rổ 1	2							2	
50	BRP3073	Tự chọn 3 - Bóng rổ 2	3							3	
51	CLP3072	Tự chọn 4 – Cầu lông 1	2							2	
52	CLP3073	Tự chọn 4 – Cầu lông 2	3							3	
53	BBP3072	Tự chọn 5 – Bóng bàn 1	2							2	
54	BBP3073	Tự chọn 5 – Bóng bàn 2	3							3	
VII	***Kiến thức nghiệp vụ sư phạm***		**10**								
55	TLT4042	Tâm lý học thể dục thể thao	2				2				
56	GDT4032	Giáo dục học thể dục thể thao	2			2					
57	GTS4052	Giao tiếp sư phạm	2					2			
58	RLS4052	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2							2	
59	ĐG4062	Đánh giá giáo dục	2						2		
C	**Kiên tập, thực tập**		**6**								
		Kiến tập sư phạm	1								1
		Thực tập sư phạm	5								5
D	**Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế**		**7**								

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	NĂM / HỌC KỲ							
				I		II		III		IV	
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Khoá luận tốt nghiệp	***7***								
		Học phần thi thay thế khóa luận tốt nghiệp	***7***								
60	SL2084	Chuyên đề Sinh lý thể dục thể thao	4								4
61	CĐL2083	Chuyên đề Lý luận thể dục thể thao	3								3
Tổng khối lượng kiến thức chương trình			**120**	**15**	**16**	**16**	**16**	**15**	**15**	**15**	**12**

IX. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các môn học

IX.1. Kiến thức giáo dục đại cương 40 TC

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1 **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 60 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 60 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam **3 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tin học đại cương **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp một số kiến thức đại cương về Tin học, cách sử dụng các phần mềm hệ thống và tiện ích, đặc biệt là các kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính Excel.

6. Toán thống kê và Đo lường 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác xuất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác xuất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan; Cung cấp những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn…Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

7. Tâm lý học đại cương 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách, qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách, hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.

8. Giáo dục học đại cương 3 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng; Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục.

Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

9. Quản lý HCNN và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ – BGD&ĐT ngày 22/07/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Pháp luật đại cương 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về pháp luật (như bản chất, hình thức, chức năng, bộ máy và cơ chế điều hành) Giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học pháp lý và vận dụng một cách phù hợp những kiến thức của môn học vào thực tiễn của xã hội.

11. Môi trường và con người (*Học phần tự chọn)* **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, nước ánh sáng, không khí và vệ sinh tập luyện. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có đủ trình độ năng lực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết ăn uống hợp lý, giữ gìn chăm lo sức khỏe bản thân, biết cách phân bố thời gian thực hiện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương bệnh tật xảy ra. Đồng thời nắm được những đặc điểm giải phẫu tâm sinh lý các lứa tuổi giới tính để hướng dẫn tập luyện khoa học một cách hợp lý nâng cao sức khỏe và thành tích thể thao.

12. Cơ sở văn hoá Việt Nam (*Học phần tự chọn)* **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận văn hóa nói chung và đặc biệt về Cơ sở Văn hóa Việt Nam, như: Khái niệm văn hóa, văn minh

và sự khác biệt giữa hai khái niệm ấy ; Điều kiện hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam (điều kiện cơ sở làm hình thành văn hóa Việt nam và điều kiện, yếu tố góp phần phát triển văn hóa Việt Nam. Các yếu tố văn hóa văn minh bên ngoài (Văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa, văn hóa phương Tây...) qua các cuộc tiếp xúc văn hóa bằng nhiều con đường cũng đã được cha ông ta tiếp biến để làm phong phú thêm cho văn hóa dân tộc...

13. Thực hành văn bản Tiếng Việt (*Học phần tự chọn)* **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết, kỹ năng, năng lực cơ bản trong việc xây dựng ngôn ngữ để diễn đạt tri thức; để phân tích, thuật lại và xây dựng một tài khoa học. Rèn luyên cho họ những kỹ năng đặt câu, sử dụng các dạng câu, đổi vâu và chữa các lỗi câu thông thường. Rèn luyện kỹ năng dùng từ và kỹ năng chính tả, quy tắc viết hoa và quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài.

14. Anh văn cơ bản 1, 2, 3 **8TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng, rèn luyện sinh viên các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Tất cả các kỹ năng và các yếu tố ngôn ngữ được dạy đan xem với nhau. Kết thúc các học phần, sinh viên có khả năng nói và viết về những chủ đề kinh nghiệm cá nhân, kế hoạch trong tương lai, có những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn;

14.1. Anh văn cơ bản 1 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

14.2. Anh văn cơ bản 2 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

14.3. Anh văn cơ bản 3 **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

15. Anh văn chuyên ngành **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

Trên cơ sở vốn kiến thức và kỹ năng đã tích luỹ được ở 3 học phần trước, học phần chuyên ngành cung cấp những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về chuyên ngành TDTT. Cung cấp một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản về các chuyên ngành trên để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành để phục vụ công tác học tập chuyên môn.

16. Lý luận và Phương pháp Giáo dục thể chất **4 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 10 tiết
- Thảo luận 15 tiết

+ Tự học: 120 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học TDTT và giáo dục học TDTT.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về TDTT, những kiến thức về bản chất của TDTT, về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất; hình thành kỹ năng vận dụng lý luận – phương pháp vào thực tiễn công tác, hình thành niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

17. Lý luận và phương pháp the thao trường học **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận TDTT và Phương pháp GDTC.

- Lý luận và phương pháp TDTT trường học là một môn học chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức các hoạt động TDTT trong trường học. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, đặc điểm tâm sinh lý học sinh phổ thông về giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực cũng như các phương pháp tổ chức hoạt động TDTT nói chung trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành kỹ năng sư phạm TDTT, xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp của người cán bộ, giáo viên TDTT.

18. Quản lý TDTT **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Quản lý HCNN và quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo

- Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững các chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước và của ngành thuộc lĩnh vực TDTT. Vận dụng đúng các

nguyên tắc, phương pháp, các phương tiện cần thiết vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý các hoạt động TDTT quần chúng, thể thao trường học và thể thao thành tích cao để đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển tài năng thể thao trẻ.

19. Lịch sử TDTT và lịch sử Olympíc 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử của TDTT, sự hình thành những quan điểm, các trường phái TDTT, sự nảy sinh và phát triển của phong trào TDTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Sinh viên có thể vận dụng kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TDTT nói chung và lĩnh vực hoạt động của bản thân nói riêng. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị TDTT của dân tộc, có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

20. Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Toán thống kê, Đo lường thể thao.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH. Qua đó giúp sinh viên bước đầu biết tổ chức và tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý một số thông tin cần thiết. Đồng thời biết viết và trình bày một bản báo cáo khoa học theo đúng trình tự quy định; cũng như có khả năng diễn giải vấn đề nghiên cứu của mình tại các hội nghị khoa học.

21. Giải phẫu người 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu tạo cơ chế, đặc biệt về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động; của một số hệ thống cơ quan liên quan trực tiếp tới việc tiếp thu kiến thức ở các lĩnh vực: sinh lý học TDTT, sinh hoá học TDTT, vệ sinh học, y học TDTT, v.v… làm tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức khoa học giáp ranh và khoa học ngành TDTT. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiếp thu kiến thức sinh cơ học thể thao, cũng như phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

22. Sinh lý học Thể dục thể thao **3 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu người.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế các quy luật biến đổi của cơ thể sống dưới tác động của hoạt động giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

23. Vệ sinh Thể dục thể thao **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết nhất có liên quan đến vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh tập luyện, chế độ dinh dưỡng, các biện pháp hồi phục trong tập luyện TDTT, sau khi kết thúc học phần, sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, biết cách phân bố thời gian tập luyện phù hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật sảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống cá nhân và tập thể một cách hợp lý khoa học.

24. Y học Thể dục thể thao **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học TDTT

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện TDTT, biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

25. Sinh cơ TDTT **2 TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng lâu dài về cơ chế của kỹ thuật, chiến thuật thể thao. Những vấn đề chính môn học đề cập đến là: Mô tả chuyển động thể thao, giải thích các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như về vấn đề phối hợp chuyển động, phân

tích hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực hành và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động, các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

26. Sinh hoá TDTT 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh TDTT, giải phẫu

- Học phần sinh hóa TDTT bao gồm 3 nội dung chính. Phần sinh hóa tĩnh mô tả cấu trúc và tính chất của các phần tử sinh học tham gia cấu tạo cơ thể. Phần sinh hóa động trình bày những kiến thức về các quá trình chuyển hóa chất và năng lượng trong cơ thể con người, làm cơ sở cho các chức năng sinh lý. Phần sinh hóa thể thao trình bày đặc điểm của những biến đổi sinh hóa trong quá trình hoạt động cơ, những quy luật sinh hóa trong huấn luyện thể thao và các phương pháp kiểm tra về mặt sinh hóa trong thể thao.

27. Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 1 (các môn chạy) 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Không

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và phổ cập nhất về các môn chạy, đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập của môn điền kinh đã học được để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.

28. Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 2 (các môn nhảy) 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và phổ cập nhất về các môn nhảy , đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập của môn điền kinh đã học được để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.

29. Phương pháp giảng dạy và thực hành Điền kinh 3 (các môn ném đẩy) 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản và phổ cập nhất về ném đẩy, đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ

chức thi đấu và làm trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập của môn điền kinh đã học được để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.

30. Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 1 (thể dục cơ bản) 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập phát triển thể chất (tay không, có dụng cụ). Ngoài ra, học phần còn góp phần phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập các môn thể thao khác.

Kết thúc học phần sinh viên có khả năng tự tập luyện các nội dung thể dục vì mục đích sức khoẻ (chủ yếu là các bài tập phát triển chung và các bài tập với các dụng cụ phổ biến) cho các đối tượng tập luyện.

31. Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 2 (thể dục nhịp điệu) 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập thể dục nhịp điệu nam – nữ. Ngoài ra, học phần còn góp phần phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập các môn thể thao khác; Kết thúc học phần sinh viên có khả năng tự tập luyện các nội dung thể dục vì mục đích sức khoẻ (chủ yếu là các bài tập phát triển chung và các bài tập với các dụng cụ phổ biến) cho các đối tượng tập luyện.

32. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng đá 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài; Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản của bóng đá. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

33. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng chuyền 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

34. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng rổ 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không.

- Học phần giúp sinh viên: Nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ, hình thành một số kỹ thuật động tác cơ bản của bóng rổ, trên cơ sở đó tự tập nâng cao sức khoẻ và năng lực chơi bóng rổ cho bản thân. Biết cách hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia luyện tập, nắm vững luật, biết làm trọng tài và thi đấu bóng rổ ở cở sở.

35. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng bàn 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Không

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng bàn về những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.

Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản chơi bóng bàn. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học; biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

36. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng ném 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẩu, Vệ sinh TDTT

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản của Bóng ném nắm vững được luật và một số dạng đội hình chiến thuật cơ bản trong tấn công, phòng thủ; Biết vận dụng các phương pháp thi đấu, làm trọng tài cho các đối tượng mới tham gia tập luyện; Có khả năng dạy bóng ném cho các đối tượng mới tập; Hoàn thiện các kỹ thuật động tác nâng cao và nắm vững các đội hình chiến thuật.

37. Phương pháp giảng dạy và thực hành Cầu lông 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy môn cầu lông. Bồi dưỡng cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng trở thành hướng dẫn viên cầu lông ở các cơ sở khi ra trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ chiến thuật cơ bản quan trọng của môn cầu lông. Hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên để có thể hướng dẫn cho người mới tập.

38. Phương pháp giảng dạy và thực hành Cờ vua 2TC

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Không

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn Cờ vua, về những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. Biết suy nghĩ độc lập và sáng tạo giải quyết các nhiệm vụ, tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ, chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

39. Phương pháp giảng dạy và thực hành Đá cầu 2TC

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn đá cầu để có khả năng giảng dạy hướng dẫn, tổ chức thi đấu và trọng tài ơ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học và cơ sở.

40. Phương pháp giảng dạy và thực hành Bơi lội 2TC

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài…của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi lội cấp cơ sở, đồng thời biết sơ lược bơi thực dụng; hoàn thiện kỹ thuật kiểu bơi thể thao, biết sử dụng môn bơi lội như một phương tiện nhằm phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho mọi đối tượng.

41. Phương pháp giảng dạy và thực hành Võ (Karatedo - Taekwondo) 2TC

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

Chọn 1 trong 2 môn

**** PPGD và Thực hành Taekwondo***

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Taekwondo và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy và tổ chức thi đấu cũng như trọng tài các cấp. Biết sử dụng Taekwondo như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục.

**** PPGD và Thực hành Karatedo***

- Học phần tiên quyết: không**.**

- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn Karatedo và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy và tổ chức thi đấu cũng như trọng tài các cấp. Biết sử dụng Karatedo như một phương tiện phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục.

42. Phương pháp giảng dạy và thực hành Trò chơi vận động 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Không

- Giúp cho sinh viên nắm được những cơ sở lý luận và phương pháp tiến hành của trò chơi nói chung và trò chơi vận động, phương pháp vận dụng trò chơi vận động vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Học phần này còn góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm trong việc khôi phục, duy trì và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

43. Tự chọn 1 - Bóng đá 1 2TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng đá

- Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy, huấn luyện theo hướng chuyên sâu nhằm: tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ theo hướng chuyên môn hóa; mở rộng phạm vi công tác; tạo cơ hội và điều kiện phát triển năng lực nghề nghiệp theo môn Bóng đá

- Củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đã học ở chương trình môn học Bóng đá và phương pháp giảng dạy; phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu môn chuyên sâu.

44. Tự chọn 1 - Bóng đá 2 3TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 60 tiết

+ Tự học: 150 tiết

- Học phần tiên quyết: Bóng đá 1

- Về kiến thức: tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển trình độ và chuyên môn hóa nghề nghiệp.

- Về kỹ năng: nâng cao trình độ về kỹ chiến thuật môn thể thao trong các điều kiện có sự tiêu chuẩn hóa về độ khó và mức độ phức tạp của môn học Bóng đá

45. Tự chọn 2 - Bóng chuyền 1 **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy và thực hành Bóng chuyền

- Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy, huấn luyện theo hướng chuyên sâu nhằm: tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ theo hướng chuyên môn hóa; mở rộng phạm vi công tác; tạo cơ hội và điều kiện phát triển năng lực nghề nghiệp theo môn Bóng chuyền.

- Củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đã học ở chương trình môn học Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy; phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu môn chuyên sâu.

46. Tự chọn 2 - Bóng chuyền 2 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 60 tiết

+ Tự học: 150 tiết

- Học phần tiên quyết: Bóng chuyền 1

- Về kiến thức: tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển trình độ và chuyên môn hóa nghề nghiệp.

- Về kỹ năng: nâng cao trình độ về kỹ chiến thuật môn thể thao trong các điều kiện có sự tiêu chuẩn hóa về độ khó và mức độ phức tạp của môn học Bóng chuyền.

47. Tự chọn 3 - Bóng rổ 1 **2TC**

+ + Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyếtBóng rổ và phương pháp giảng dạy

- Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy, huấn luyện theo hướng chuyên sâu nhằm: tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ theo hướng chuyên môn hóa; mở rộng phạm vi công tác; tạo cơ hội và điều kiện phát triển năng lực nghề nghiệp theo môn Bóng rổ.

- Củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đã học ở chương trình môn học Bóng rổ và phương pháp giảng dạy; phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu môn chuyên sâu.

48. Tự chọn 3 - Bóng rổ 2 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 60 tiết

+ Tự học: 150 tiết

- Học phần tiên quyết: Tự chọn 2 - bóng rổ - học phần 1

- Về kiến thức: tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển trình độ và chuyên môn hóa nghề nghiệp.

- Về kỹ năng: nâng cao trình độ về kỹ chiến thuật môn thể thao trong các điều kiện có sự tiêu chuẩn hóa về độ khó và mức độ phức tạp của môn học bóng rổ.

49. Tự chọn 4 – Cầu lông 1 **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Cầu lông và phương pháp giảng dạy

- Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy, huấn luyện theo hướng chuyên sâu nhằm: tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ theo hướng chuyên môn hóa; mở rộng phạm vi công tác; tạo cơ hội và điều kiện phát triển năng lực nghề nghiệp theo môn Cầu lông

- Củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đã học ở chương trình môn học Cầu lông và phương pháp giảng dạy; phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu môn chuyên sâu.

50. Tự chọn 4 – Cầu lông 2 **3TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 60 tiết

+ Tự học: 150 tiết

- Học phần tiên quyết: Tự chọn 2 - Cầu lông - học phần 1

- Về kiến thức: tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển trình độ và chuyên môn hóa nghề nghiệp.

- Về kỹ năng: nâng cao trình độ về kỹ chiến thuật môn thể thao trong các điều kiện có sự tiêu chuẩn hóa về độ khó và mức độ phức tạp của môn học Cầu lông.

51. Tự chọn 5 – Bóng bàn 1 **2TC**

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Học phần tiên quyết: Bóng bàn và phương pháp giảng dạy

- Trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy, huấn luyện theo hướng chuyên sâu nhằm: tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ theo hướng chuyên môn hóa; mở rộng phạm vi công tác; tạo cơ hội và điều kiện phát triển năng lực nghề nghiệp theo môn Bóng bàn.

- Củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy đã học ở chương trình môn học Bóng bàn và phương pháp giảng dạy; phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu môn chuyên sâu.

52. Tự chọn 5 – Bóng bàn 2 **3TC**

+ Lên lớp:

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 60 tiết

+ Tự học: 150 tiết

- Học phần tiên quyết: Tự chọn 2 - Bóng bàn - học phần 1

- Về kiến thức: tiếp tục trang bị kiến thức và kỹ năng theo hướng phát triển trình độ và chuyên môn hóa nghề nghiệp.

- Về kỹ năng: nâng cao trình độ về kỹ chiến thuật môn thể thao trong các điều kiện có sự tiêu chuẩn hóa về độ khó và mức độ phức tạp của môn học Bóng bàn

53. Tâm lý học thể dục thể thao 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

54. Giáo dục học thể dục thể thao 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

55. Giao tiếp sư phạm 2 TC

+ Lên lớp:

- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hiểu những khái niệm, những phạm trù và những quan điểm cơ bản của Tâm lý học xã hội, giao tiếp sư phạm. Quan điểm duy vật và tư duy biện chứng, có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu, xem xét các hiện

tượng tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm, lòng yêu nghề, mong muốn tìm hiểu tâm lý con người thông qua các mối quan hệ xã hội để thuận lợi cho công việc của bản thân. Bước đầu biết cách nghiên cứu, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội nhất là các hiện tượng tâm lý xã hội nảy sinh trong các nhóm và trong tập thể học sinh; hình thành một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm.

56. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm **2 TC**

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học, Giáo dục học đại cương và Tâm lý học - Giáo dục học thể dục thể thao (TDTT); Giao tiếp sư phạm; LL & PP Giáo dục thể chất.

- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức về các phương pháp tổ chức, các quá trình GDTC, hình thành kỹ năng vận dụng phương pháp vào thực tiễn giảng dạy thể chất trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay. Góp phần đào tạo thế hệ thanh thiếu niên trở thành những người "phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức". Hình thành cho SV niềm tin và tình cảm gắn bó với nghề nghiệp; Rèn luyện các kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, hình thành kỹ năng vận dụng lý luận-phương pháp vào thực tiễn giảng dạy công tác. Nâng cao tính tự giác tích cực học tập, tự nghiên cứu của sinh viên.

57. Đánh giá trong giáo dục **2 TC**

+ Lên lớp:
- Lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận 5 tiết

+ Tự học: 60 tiết

-Điều kiện tiên quyết: Các học phần kiến thức cơ sở ngành, các học phần kiến thức ngành.

-Nội dung:gồm những kiến thức về ý nghĩa ,vai trò và mục đích của việc đánh giá trong giáo dục; về khái niệm kiểm tra,đo,đánh giá về các phương pháp và kỹ thuật đánh giá và trắc nghiệm.

58. Kiến tập sư phạm **1 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần kiến thức cơ sở ngành, các học phần kiến thức ngành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

- Nội dung: kiến tập ở trường THCS, PTTH, sinh viên thực hiện các nhiệm vụ dự giờ

- Thời gian kiến tập: 02 tuần

59. Thực tập sư phạm **5 TC**

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần kiến thức cơ sở ngành, các học phần kiến thức ngành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên – Kiến tập sư phạm.

- Nội dung: Thực tập ở trường THCS, PTTH, sinh viên thực hiện các nhiệm vụ như giáo viên ở trường thực tập: Thực tập dạy học và các hoạt động giáo dục ở

trường THCS, THPT trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp giáo viên; Tổng kết, đánh giá kết quả thực tập.

Khóa luận tốt nghiệp *(hoặc học phần chuyên đề thay thế)* **7 TC**

60. Chuyên đề sinh lý thể dục thể thao 4TC

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ chế của cơ thể sống, các quy luật hoạt động của cơ thể sống và quy luật biến đổi do tác động của luyện tập thể dục thể thao.

61. Chuyên đề về Lý luận thể dục thể thao 3 TC

Sinh viên chọn và viết 1 chuyên đề về lý luận TDTT từ các nội dung sau:

- *Phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường phổ thông;*
- *Điều tra cơ bản các hoạt động phong trào thể dục thể thao trong các trường phổ thông;*
- *Quản lý phong trào TDTT tại các trường phổ thông*

X. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành Giáo dục thể chất do giảng viên của Khoa Giáo dục Thể chất Đại học Huế đảm nhận.

10.2. Danh sách cán bộ giáo viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần do các giảng viên của các trường Đại học Sư Phạm, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Khoa học, đại học Nông Lâm, Đại học Y Dược thuộc Đại học Huế đảm nhận.

XI. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Đảm bảo các điều kiện về phòng học sân bãi, dụng cụ, thư viện ở các trường đại học thành viên và trung tâm học liệu Đại học Huế. Khoa có sân bãi rộng, nhà tập và thi đấu hiện đại. Đảm bảo cho nhu cầu đào tạo chuyên ngành. Một số trường thành viên Đại học Huế có các nhà tập TDTT chuyên dụng có thể sử dụng giảng dạy một số môn thể thao chuyên sâu. Đủ tài liệu học tập, tham khảo phục vụ học tập và nghiên cứu.

XII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

XII.1 Sắp xếp môn học.

Những học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí học tập, lên lớp vào năm thứ nhất và thứ hai. Từ năm thứ hai trở đi bố trí các học phần thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Kiến thức thuộc khối ngành chuyên nghiệp được bố trí vào các năm thứ ba và thứ tư. Khi lên lịch trình giảng dạy, phải chú ý xếp các tín chỉ và các nhóm học phần có liên quan bổ trợ cho nhau, tín chỉ nào cần dạy trước, tín chỉ nào cần dạy sau.

Tuỳ điều kiện của nhà trường có thể thay thế một số học phần cho phù hợp, nhưng phải căn cứ từ quy định của khối ngành.

XII.2. Quy định thời lượng của các đơn vị tín chỉ.

- 15 tiết là một tín chỉ giảng lý thuyết và thảo luận,
- 30 hoặc 45 giờ thực hành TDTT là một tín chỉ.
- 45 đến 90 giờ thực tập là một tín chỉ.
- 45 đến 90 giờ chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp là một tín chỉ.

XII.3. Về phương pháp dạy học.

- Đặc điểm của nhiều nội dung trong chương trình Giáo dục thể chất là học lý thuyết gắn liền với tập luyện. Tập luyện là hình thức học tập đặc thù của ngành Giáo dục Thể chất. Chỉ có thông qua tập luyện mới hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động giúp sinh viên trở thành giáo viên Giáo dục Thể chất không chỉ biết nói, mà còn làm mẫu một cách chính xác những gì cần dạy cho học sinh, do đó phải dành nhiều thời gian cho thực hành.

- Trong giờ thực hành, phần giảng về nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp không giảng giải dài dòng, mà cần đổi mới phương pháp dạy hoặc bằng cách đưa ra những thông tin chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu để sinh viên dễ nhớ, nhớ lâu, tranh thủ được thời gian cho sinh viên tập luyện.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học sao cho giờ học sinh động, hấp dẫn, hiệu quả cao. Tăng cường áp dụng phương pháp trò chơi và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên tự quản và tham gia đánh giá.

- Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu tạo điều kiện cho sinh viên tự nâng cao trình độ. Nội dung các học phần bám sát mục tiêu chương trình Giáo dục thể chất trong hệ thống giáo dục quốc dân.

GIÁM ĐỐC